

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 6 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân
2. Bà Lê Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Danh Thị X

Địa chỉ: Ấp 4A, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Thạch Q

Địa chỉ: Ấp 4A, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Danh Thị X trình bày: Chị và anh Thạch Q tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2009, đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q đi nhậu về kiếm chuyện và đánh chị. Đến năm 2016, chị đi làm và vợ chồng cũng ly thân. Đến nay, chị thấy không thể hàn gắn tình cảm với anh Q nên yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung là Thạch Thị Bích T (nữ) sinh ngày 02/01/2009, cháu T hiện sống với anh Q. Nếu ly hôn, chị đề anh Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là anh Thạch Q trình bày như sau: Anh thống nhất với lời trình bày của chị X về quá trình dẫn đến kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Sau khi chị X sinh con thì ở nhà chăm sóc con, anh đi làm nhưng chị X thường xuyên nghe điện thoại của người này người kia nên anh có ghen tuông và đánh vợ vài lần. Đến năm 2016, chị X bỏ đi làm, gần đây thì dẫn bạn trai về và yêu cầu ly hôn với anh. Đối với yêu cầu ly hôn của chị X, anh Q không đồng ý vì anh không muốn con thiếu cha hoặc mẹ, anh muốn hàn gắn với chị X.

Về con chung: Có 01 con chung là Thạch Thị Bích T (nữ) sinh ngày 02/01/2009, cháu T đang sống cùng anh Q. Nếu Tòa án giải quyết cho chị X ly hôn với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Chị X và anh Q vắng mặt, chị X có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Danh Thị X đối với anh Thạch Q; Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Bích T (nữ) sinh ngày 02/01/2009 cho anh Thạch Q tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Q không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con

chung nên chị X chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ án khác; Nợ chung: Không có. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Danh Thị X và anh Thạch Q do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Q. Anh Q hiện tại cư trú tại ấp 4A, thị trấn BN, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị X và anh Q tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa chị X và anh Q phát sinh mâu thuẫn. Chị X cho rằng anh Q đi làm về thường xuyên chửi mắng và đánh chị, anh Q thừa nhận có chửi mắng và đánh chị X do ghen tuông nhưng nay anh đã biết lỗi và không đồng ý ly hôn, mong muốn hàn gắn với chị X để lo cho con. Quá trình tố tụng, Thẩm phán đã phân tích, giải thích động viên chị X cho anh Q cơ hội để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng chị X vẫn cương quyết ly hôn. Anh Q không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp hàn gắn, tại phiên tòa anh Q vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, quan hệ hôn nhân cần được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và tình cảm của cả hai bên. Đến nay, chị X giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh Q đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh Q.

[3.2] Về quyền nuôi dưỡng con chung: Chị X và anh Q khai thống nhất có một con chung là Thạch Thị Bích T (nữ) sinh ngày 02/01/2009, cháu T hiện tại do anh Q nuôi dưỡng. Chị X và anh Q thống nhất giao cháu T cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên nếu anh chị ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung nên chị X chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Danh Thị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị X đối với anh Thạch Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Danh Thị X được ly hôn với anh Thạch Q.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Bích T (nữ) sinh ngày 02/01/2009 cho anh Thạch Q nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Thạch Q không yêu cầu chị Danh Thị X cấp dưỡng nuôi con chung. Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Danh Thị X phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai số 0011711 ngày 24 tháng 02 năm

2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị X đã nộp xong án phí).

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.ChTA;
- VKSND h.CTA;
- UBND thị trấn BN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chúc Linh